

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thọ.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T; sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị S; sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T khai ngày 29/02/2008, anh T và chị Hoàng Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị S bảo anh T cùng về nhà bố mẹ đẻ của chị S chơi nhưng anh T bận việc không đi cùng được; chị S tự đi nhưng đến khoảng 05 ngày sau không thấy chị S về nhà. Anh T hỏi gia đình bên vợ thì mới biết chị

S bỏ đi, nhưng đi đâu, làm gì thì anh T không biết. Từ đó đến nay, anh T nhiều lần gọi điện khuyên bảo chị S về nhà cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị S không quay về và không cho anh T biết địa chỉ nơi chị đang ở. Chị S thường xuyên thay đổi số điện thoại nên anh T gọi điện cho chị S được thời gian ngắn thì thời gian sau lại không gọi điện được. Khi anh T xin được số điện thoại mới của chị S và gọi điện cho chị, chị S nghe được tiếng nói của anh T thì tắt máy. Nay anh T thấy không còn tình cảm với chị S nữa nên xin ly hôn chị S. Vợ chồng có 02 người con chung là Hoàng Thị Hồng D (con gái), sinh ngày 02/4/2008 và Hoàng Anh C (con trai), sinh ngày 22/7/2009. Kể từ khi chị S bỏ đi, anh T là người trực tiếp nuôi các con. Nếu ly hôn, anh T xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị S đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị S không nộp cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không nộp cho Tòa án được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Chị S cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Hai người con chung của vợ chồng đều có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang cung cấp thông tin cho biết vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị S có đăng ký kết hôn, sống tại thôn M, xã N, huyện Q. Vợ chồng có 02 người con; vợ chồng đã có mâu thuẫn, do tính tình của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2012 đến nay, chị S không có mặt tại nơi cư trú; không rõ thời điểm trở về; thỉnh thoảng chị S gọi điện hỏi thăm các con rồi thay đổi luôn số điện thoại nên không có ai có số điện thoại của chị S.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Hoàng Thị S; về con chung: Giao các con chung là Hoàng Thị Hồng D, sinh ngày 02/4/2008 và Hoàng Anh C, sinh ngày 22/7/2009 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi. Chị Hoàng Thị S không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002267 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Hoàng Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị S, có địa chỉ tại thôn M, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của anh T cũng như các tài liệu, chứng cứ mà anh T đã nộp cho Tòa án, các bản tự khai nguyện vọng của con chung cũng như thông tin do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng anh T và chị S đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân từ năm 2012; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh T ly hôn chị S.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Hồng D (con gái), sinh ngày 02/4/2008 và Hoàng Anh C (con trai), sinh ngày 22/7/2009; anh T xin được nuôi các con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng cho con; các con chung đều có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Căn cứ các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao các con chung chưa thành niên cho anh T trực tiếp nuôi, chị S không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các điều 6 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

* **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Hoàng Thị S.

* **Về con chung:** Giao các con chung là Hoàng Thị Hồng D (con gái), sinh ngày 02/4/2008 và Hoàng Anh C (con trai), sinh ngày 22/7/2009 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi. Chị Hoàng Thị S không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* **Về án phí:** Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002267 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

* **Về kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* **Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng